

**ĐÁNH GIÁ, ĐỀ XUẤT NỘI DUNG QUY ĐỊNH BẢNG GIÁ ĐẤT THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH MỚI SAU KHI SÁP NHẬP
ĐỂ ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01/01/2026**

(Áp dụng đối với đất ở và các loại đất phi nông nghiệp)

(Kèm theo Công văn số: 171 /UBND-KT ngày 07 / 8 /2025 của UBND xã Đắk Pék)

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú <i>(Nêu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành)</i>
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I.1	GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN							
1	Giá đất ven trục đường giao thông chính							
1.1	<i>Độc trục đường Hồ Chí Minh</i>							
-	Từ địa giới thị trấn Đắk Glei và xã Đắk Pék (cầu treo nhà ông Quang) đến Ngã ba Hùng Vương (đi vào Ngã ba Đắk Dền, Pêng Sel)	5.120.000		Bắc cầu treo nhà ông Quang đến Ngã ba Hùng Vương (đi vào Ngã ba Đắk Dền, Pêng Siel)	5.120.000			Giữ nguyên giá, điều chỉnh, bổ sung tên tuyến đường sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành
-	Từ Ngã ba Hùng Vương (đi vào Ngã ba Đắk Dền, Pêng Sel) đến Nam cầu Đắk Gia	5.280.000		Từ Ngã ba Hùng Vương (đi vào Ngã ba Đắk Dền, Pêng Sel) đến Nam cầu Đắk Gia	5.280.000			Giữ nguyên
-	Từ Bắc cầu Đắk Gia đến bờ phía Nam cống suối Kon Ier	3.680.000		Từ Bắc cầu Đắk Gia đến bờ phía Nam cống suối Kon Ier	3.680.000			Giữ nguyên
-	Từ bờ Bắc cống suối Kon Ier đến phía Nam cầu Đắk Ven	2.116.000		Từ bờ Bắc cống suối Kon Ier đến phía Nam cầu Đắk Ven	2.116.000			Giữ nguyên
1.2	<i>Các đường nhánh chính còn lại</i>							

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú (Nêu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành)
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
-	Từ phía Bắc cầu Đăk Ven đến ngã ba Đăk Tả	208.000		Từ phía Bắc cầu Đăk Ven đến ngã ba Đăk Tả	208.000			
1.3	Các đường nhánh phụ, dọc đường Hùng Vương							
-	Từ đường Chu Văn An đi khu quy hoạch Đông Thượng	1.445.000		Từ đường Chu Văn An đi khu quy hoạch Đông Thượng	1.445.000			Giữ nguyên
-	Từ đường Hùng Vương - Ngã ba Đăk Dền, Pêng Sel (tính mốc GPMB đường Hùng Vương vào sâu 50m là vị trí 1)	1.045.000		Từ đường Hùng Vương - Ngã ba Đăk Dền, Pêng Sel (tính mốc GPMB đường Hùng Vương vào sâu 50m là vị trí 1)	1.045.000			Giữ nguyên
-	Từ ngã ba Đăk Dền, Pêng Sel đến cầu treo Đăk Rang	900.000		Từ ngã ba Đăk Dền, Pêng Sel đến cầu treo Đăk Rang	900.000			Giữ nguyên
-	Từ ngã ba Đăk Dền đến đường lên Nhà máy nước	646.000		Từ ngã ba Đăk Dền đến đường lên Nhà máy nước	646.000			Giữ nguyên
-	Từ đường lên Nhà máy nước đến đoạn còn lại	180.000		Từ đường lên Nhà máy nước đến đoạn còn lại	180.000			Giữ nguyên
-	Từ ngã ba đường vào thôn Đăk Rú (thôn Đăk Rang) (nhà ông Đinh A Dồ (vợ bà Y Giấy) đến hết đất nhà ông A Diêm (thôn 14a)	204.000		Từ ngã ba đường vào thôn Đăk Rú (thôn Đăk Rang) (nhà ông Đinh A Dồ (vợ bà Y Giấy) đến hết đất nhà ông A Diêm (thôn 14a)	204.000			Giữ nguyên
-	Từ đường Hùng Vương đến cầu tràn Suối Đăk Rang (tính từ mốc GPMB đường Hùng Vương sâu vào 50m là vị trí 1)	1.105.000		Từ đường Hùng Vương đến cầu tràn Suối Đăk Rang (tính từ mốc GPMB đường Hùng Vương sâu vào 50m là vị trí 1)	1.105.000			Giữ nguyên

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú (Nêu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành)
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
-	Từ nhà ông Vững đến cổng Kon Ier cách 50m về phía Nam (tính từ chân cầu Đăk Gia - Ngã ba tiếp giáp với đường Hùng Vương, QL 14 cũ)	1.350.000		Từ nhà ông Vững đến cổng Kon Ier cách 50m về phía Nam (tính từ chân cầu Đăk Gia - Ngã ba tiếp giáp với đường Hùng Vương, QL 14 cũ)	1.350.000			Giữ nguyên
-	Từ đường Hùng Vương đến ngã ba Đăk Lôi (tính từ mốc GPMB đường Hùng Vương sâu vào 50m là vị trí 1)	1.005.000		Từ đường Hùng Vương đến ngã ba Đăk Lôi (tính từ mốc GPMB đường Hùng Vương sâu vào 50m là vị trí 1)	1.005.000			Giữ nguyên
-	Từ ngã ba Đăk Lôi đến ngã ba A Khanh - Đăk Ra	700.000		Từ ngã ba Đăk Lôi đến ngã ba A Khanh - Đăk Ra	700.000			Giữ nguyên
-	Từ ngã ba Đăk Lôi đến hết đất nhà ông Hào	600.000		Từ ngã ba Đăk Lôi đến hết đất nhà ông Hào	600.000			Giữ nguyên
2	Giá đất ở khu dân cư nông thôn							
-	Đường từ ngầm suối Đăk Pang đến hết trường Võ Thị Sáu (ĐH83)	308.000		Đường từ ngầm suối Đăk Pang đến hết trường Võ Thị Sáu (ĐH83)	308.000			Giữ nguyên
-	Từ trường Võ Thị Sáu đến giáp đầu khu dân cư làng Đăk Đoát (ĐH83)	144.000		Từ trường Võ Thị Sáu đến giáp đầu khu dân cư làng Đăk Đoát (ĐH83)	144.000			Giữ nguyên
-	Từ đầu làng Đăk Đoát đến hết khu dân cư Đăk Đoát (ĐH83)	195.000		Từ đầu làng Đăk Đoát đến hết khu vực xã Đăk Pék (ĐH83)	195.000			Giữ nguyên giá, điều chỉnh, bổ sung tên tuyến đường sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành
3	Giá đất ở các khu vực khác tại nông thôn							

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú (Nêu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành)
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
-	Xã Đăk Pék	120.000		Giá đất ở các khu vực khác	120.000			Giữ nguyên giá, điều chỉnh, bổ sung tên tuyến đường sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành
1.2	GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ			GỘP CHUNG VỚI GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	(Hiện nay xã Đăk Pek không phải là đô thị)			
1	Dọc trục đường Hồ Chí Minh			Gộp chung với mục Dọc trục đường Hồ Chí Minh của phần giá đất ở nông thôn				
1.1	Từ địa giới xã Đăk Kroong và thị trấn Đăk Glei đến hết đất nhà ông A Ngróc, Y Vưu (thôn Đăk Chung)			Từ địa giới xã Đăk Môn và xã Đăk Pék đến hết đất nhà ông A Ngróc, Y Vưu (thôn Đăk Chung)				Giữ nguyên giá, điều chỉnh, bổ sung tên tuyến đường sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành
-	Vị trí 1	760.000		Vị trí 1	760.000			
-	Vị trí 2	456.000		Vị trí 2	456.000			
-	Vị trí 3	228.000		Vị trí 3	228.000			
-	Từ hết đất nhà ông A Ngróc, Y Vưu (thôn Đăk Chung) (Chung Năng) đến đầu đất nhà ông A Tet, Y Rôun (Thôn Đăk Tung)			Từ hết đất nhà ông A Ngróc, Y Vưu (thôn Đăk Chung) (Chung Năng) đến đầu đất nhà ông A Tet, Y Rôun (Thôn Đăk Tung)				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	735.000		Vị trí 1	735.000			
-	Vị trí 2	441.000		Vị trí 2	441.000			
-	Vị trí 3	221.000		Vị trí 3	221.000			

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú (Nêu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành)
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
-	Từ đầu đất nhà ông A Tet, Y Rôun (Thôn Đăk Tung) đến Nam cầu Đăk Pôi							Giữ nguyên
-	Vị trí 1	741.000		Vị trí 1	741.000			
-	Vị trí 2	445.000		Vị trí 2	445.000			
-	Vị trí 3	222.000		Vị trí 3	222.000			
-	Từ Bắc cầu Đăk Pôi đến đầu đất nhà ông AK Lý, Y Rốp (thôn Long Nang)			Từ Bắc cầu Đăk Pôi đến đầu đất nhà ông AK Lý, Y Rốp (thôn Long Nang)				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	700.000		Vị trí 1	700.000			
-	Vị trí 2	420.000		Vị trí 2	420.000			
-	Vị trí 3	210.000		Vị trí 3	210.000			
-	Từ đầu đất nhà ông AK Lý, Y Rốp (thôn Long Nang) đến đầu đất nhà bà Thuận			Từ đầu đất nhà ông AK Lý, Y Rốp (thôn Long Nang) đến đầu đất nhà bà Thuận				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	760.000		Vị trí 1	760.000			
-	Vị trí 2	456.000		Vị trí 2	456.000			
-	Vị trí 3	228.000		Vị trí 3	228.000			
2	Đường Hùng Vương							
2.1	Từ đầu đất nhà bà Thuận đến giáp bờ Nam suối Đăk Cốt			Từ đầu đất nhà bà Thuận đến giáp bờ Nam suối Đăk Cốt				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	2.340.000		Vị trí 1	2.340.000			
-	Vị trí 2	1.404.000		Vị trí 2	1.404.000			
-	Vị trí 3	702.000		Vị trí 3	702.000			
2.2	Từ bờ Bắc suối Đăk Cốt đến bờ Nam cầu Đăk Pét (thị trấn)			Từ bờ Bắc suối Đăk Cốt đến bờ Nam cầu Đăk Pét				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	3.915.000		Vị trí 1	3.915.000			

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú (Nêu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành)
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
-	Vị trí 2	2.349.000		Vị trí 2	2.349.000			
-	Vị trí 3	1.175.000		Vị trí 3	1.175.000			
2.3	Từ bờ Bắc cầu Đắc Pék (thị trấn) đến ngã tư Trần Phú, Hùng Vương, Nguyễn Huệ			Từ bờ Bắc cầu Đắc Pét đến ngã tư Trần Phú, Hùng Vương, Nguyễn Huệ				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	5.115.000		Vị trí 1	5.115.000			
-	Vị trí 2	3.069.000		Vị trí 2	3.069.000			
-	Vị trí 3	1.535.000		Vị trí 3	1.535.000			
2.4	Từ ngã tư Trần phú, Hùng Vương, Nguyễn Huệ đến địa giới thị trấn Đắc Glei và xã Đắc Pék (cầu treo nhà ông Quang)			Từ ngã tư Trần phú, Hùng Vương, Nguyễn Huệ đến phía Nam cầu treo nhà ông Quang				Giữ nguyên giá, điều chỉnh, bổ sung tên tuyến đường sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành
-	Vị trí 1	4.960.000		Vị trí 1	4.960.000			
-	Vị trí 2	2.976.000		Vị trí 2	2.976.000			
-	Vị trí 3	1.488.000		Vị trí 3	1.488.000			
3	Đường Chu Văn An (Từ cầu treo nhà ông Quang sâu 50m đến giáp vị trí 1 đường Hùng Vương thôn Đắc Dung)			Đường Chu Văn An (Từ cầu treo nhà ông Quang sâu 50m đến giáp vị trí 1 đường Hùng Vương thôn Đắc Dung)				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	2.000.000		Vị trí 1	2.000.000			
-	Vị trí 2	1.200.000		Vị trí 2	1.200.000			
-	Vị trí 3	600.000		Vị trí 3	600.000			
4	Các tuyến đường nhánh giao với đường Hùng Vương							

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú (Nêu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành)
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
4.1	Từ đường Hùng Vương đến hết đường QH (chợ) trụ sở UBND thị trấn (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)			Từ đường Hùng Vương đến hết đường QH (chợ) (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)				Giữ nguyên giá, điều chỉnh, bổ sung tên tuyến đường sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành
-	Vị trí 1	3.040.000						
-	Vị trí 2	1.824.000						
-	Vị trí 3	912.000						
4.2	Từ ngã ba chợ thị trấn đến ngã tư đường vào nhà ông Phụ Thọ			Từ ngã ba chợ thị trấn đến ngã tư đường vào nhà ông Phụ Thọ				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	600.000		Vị trí 1	600.000			
-	Vị trí 2	360.000		Vị trí 2	360.000			
-	Vị trí 3	180.000		Vị trí 3	180.000			
4.3	Từ đường Hùng Vương đi nhà ông Quảng Nhung đến giáp đường quy hoạch chợ (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)			Từ đường Hùng Vương đi nhà ông Quảng Nhung đến giáp đường quy hoạch chợ (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	945.000		Vị trí 1	945.000			
-	Vị trí 2	567.000		Vị trí 2	567.000			
-	Vị trí 3	284.000		Vị trí 3	284.000			
4.4	Từ ngã ba đường Hùng Vương (vật liệu xây dựng Huệ Thảo) đến hết đất nhà ông A Tây			Từ ngã ba đường Hùng Vương (vật liệu xây dựng Huệ Thảo) đến hết đất nhà ông A Tây				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	768.000		Vị trí 1	768.000			
-	Vị trí 2	461.000		Vị trí 2	461.000			
-	Vị trí 3	230.000		Vị trí 3	230.000			

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú (Nêu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành)
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
4.5	Từ ngã ba đường Hùng Vương nhà ông Gụ Thủy (phía Nam cầu Đăk Pét (thị trấn) đến đất nhà ông Chính Mai)			Từ ngã ba đường Hùng Vương nhà ông Gụ Thủy (phía Nam cầu Đăk Pét đến đất nhà ông Chính Mai)				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	589.000		Vị trí 1	589.000			
-	Vị trí 2	353.000		Vị trí 2	353.000			
-	Vị trí 3	177.000		Vị trí 3	177.000			
5	Lê Lợi							
5.1	Từ ngã ba đường Hùng Vương - Lê Lợi đến cổng C189 (tính từ chỉ giới đường đỏ sâu vào 50m tính là vị trí 1 đến hết phần đất nhà Ông A Ngân, bà Y Vía)			Từ ngã ba đường Hùng Vương - Lê Lợi đến cổng C189 (tính từ chỉ giới đường đỏ sâu vào 50m tính là vị trí 1 đến hết phần đất nhà Ông A Ngân, bà Y Vía)				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	1.140.000		Vị trí 1	1.140.000			
-	Vị trí 2	684.000		Vị trí 2	684.000			
-	Vị trí 3	342.000		Vị trí 3	342.000			
5.2	Từ hết phần đất nhà Ông A Ngân, bà Y Vía đến hết đoạn còn lại							
-	Vị trí 1	608.000		Vị trí 1	608.000			
-	Vị trí 2	365.000		Vị trí 2	365.000			
-	Vị trí 3	182.000		Vị trí 3	182.000			

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú (Nêu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành)
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
6	Trần Phú (Từ ngã ba đường Hùng Vương - Trần Phú đến ngã tư Trần Phú - Hùng Vương) (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)			Trần Phú (Từ ngã ba đường Hùng Vương - Trần Phú đến ngã tư Trần Phú - Hùng Vương) (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	2.205.000		Vị trí 1	2.205.000			
-	Vị trí 2	1.323.000		Vị trí 2	1.323.000			
-	Vị trí 3	662.000		Vị trí 3	662.000			
7	Lê Hồng Phong							
7.1	Từ ngã ba đường Hùng Vương - Lê Hồng Phong đến giáp đường Trần Phú (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)			Từ ngã ba đường Hùng Vương - Lê Hồng Phong đến giáp đường Trần Phú (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	1.680.000		Vị trí 1	1.680.000			
-	Vị trí 2	1.008.000		Vị trí 2	1.008.000			
-	Vị trí 3	504.000		Vị trí 3	504.000			
7.2	Từ đường Trần Phú đến giáp đường Trần Hưng Đạo			Từ đường Trần Phú đến giáp đường Trần Hưng Đạo				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	900.000		Vị trí 1	900.000			
-	Vị trí 2	540.000		Vị trí 2	540.000			
-	Vị trí 3	270.000		Vị trí 3	270.000			
8	Lê Văn Hiến							

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú (Nêu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành)
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
8.1	Từ ngã ba đường Hùng Vương - Lê Văn Hiến đến hết đất nhà ông A Nghét (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)			Cách ngã ba đường Hùng Vương - Lê Văn Hiến 50m đến hết đất nhà ông A Nghét (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)				Giữ nguyên giá, điều chỉnh, bổ sung tên tuyến đường sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành
-	Vị trí 1	2.185.000		Vị trí 1	2.185.000			
-	Vị trí 2	1.311.000		Vị trí 2	1.311.000			
-	Vị trí 3	656.000		Vị trí 3	656.000			
8.2	Từ ngã ba nhà ông A Nghét đến hết đường nhà Mạnh Ngọc			Từ ngã ba nhà ông A Nghét đến hết đường nhà Mạnh Ngọc				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	840.000		Vị trí 1	840.000			
-	Vị trí 2	504.000		Vị trí 2	504.000			
-	Vị trí 3	252.000		Vị trí 3	252.000			
9	A Khanh							
9.1	Từ ngã ba đường Hùng Vương - A Khanh đến ngã ba đường Trần Hưng Đạo (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)			Từ ngã ba đường Hùng Vương - A Khanh đến ngã ba đường Trần Hưng Đạo (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	2.205.000		Vị trí 1	2.205.000			
-	Vị trí 2	1.323.000		Vị trí 2	1.323.000			
-	Vị trí 3	662.000		Vị trí 3	662.000			
9.2	Từ ngã ba đường đường Trần Hưng Đạo - A Khanh đến ngàm suối Đắk Pang			Từ ngã ba đường đường Trần Hưng Đạo - A Khanh đến ngàm suối Đắk Pang				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	1.575.000		Vị trí 1	1.575.000			
-	Vị trí 2	945.000		Vị trí 2	945.000			

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú (Nêu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành)
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
-	Vị trí 3	473.000		Vị trí 3	473.000			
9.3	Tuyến đường nhánh giao với đường A Khanh (Từ ngã ba đường A Khanh (thôn Đăk Ra) đi đường làng Măng Rao)			Tuyến đường nhánh giao với đường A Khanh (Từ ngã ba đường A Khanh (thôn Đăk Ra) đi đường làng Măng Rao)				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	630.000		Vị trí 1	630.000			
-	Vị trí 2	378.000		Vị trí 2	378.000			
-	Vị trí 3	189.000		Vị trí 3	189.000			
10	Nguyễn Huệ (Từ cổng Huyện Ủy đến hết đường Nguyễn Huệ)			Nguyễn Huệ (Từ cổng UBNDTTQVN xã đến hết đường Nguyễn Huệ)				Giữ nguyên giá, điều chỉnh, bổ sung tên tuyến đường sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành
-	Vị trí 1	3.900.000		Vị trí 1	3.900.000			
-	Vị trí 2	2.340.000		Vị trí 2	2.340.000			
-	Vị trí 3	1.170.000		Vị trí 3	1.170.000			
11	Trần Hưng Đạo							
11.1	Từ cổng huyện đội đến hết phần đất nhà ông A Nghĩm (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)			Từ cách đường Hùng Vương 50m đến hết phần đất nhà ông A Nghĩm (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)				Giữ nguyên giá, điều chỉnh, bổ sung tên tuyến đường sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành
-	Vị trí 1	1.520.000		Vị trí 1	1.520.000			
-	Vị trí 2	912.000		Vị trí 2	912.000			
-	Vị trí 3	456.000		Vị trí 3	456.000			
11.2	Từ hết phần đất nhà ông A Nghĩm đến hết phần đất nhà bà Y Re			Từ hết phần đất nhà ông A Nghĩm đến hết phần đất nhà bà Y Re				Giữ nguyên

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú (Nêu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành)
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
-	Vị trí 1	646.000		Vị trí 1	646.000			
-	Vị trí 2	388.000		Vị trí 2	388.000			
-	Vị trí 3	194.000		Vị trí 3	194.000			
11.3	Từ hết phần đất nhà bà Y Re đến cách đường A Khanh 50m			Từ hết phần đất nhà bà Y Re đến cách đường A Khanh 50m				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	1.040.000		Vị trí 1	1.040.000			
-	Vị trí 2	624.000		Vị trí 2	624.000			
-	Vị trí 3	312.000		Vị trí 3	312.000			
12	Nguyễn Thị Minh Khai (Từ cổng huyện đội đến Hội trường thôn 16/5)			Nguyễn Thị Minh Khai				Giữ nguyên giá, điều chỉnh, bổ sung tên tuyến đường sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành
-	Vị trí 1	1.150.000		Vị trí 1	1.150.000			
-	Vị trí 2	690.000		Vị trí 2	690.000			
-	Vị trí 3	345.000		Vị trí 3	345.000			
13	Võ Thị Sáu (Từ nhà bà Hoàng Khứ đến hết đất nhà ông Bảy Công)			Võ Thị Sáu (Từ nhà bà Hoàng Khứ đến hết đất nhà ông Bảy Công)				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	672.000		Vị trí 1	1.150.000			
-	Vị trí 2	403.000		Vị trí 2	690.000			
-	Vị trí 3	20.200		Vị trí 3	345.000			
14	Lê Hữu Trác (Từ nhà ông A Cuối đến hết đất Trung tâm y tế)			Lê Hữu Trác (Từ nhà ông A Cuối đến hết đất Trung tâm y tế)				Giữ nguyên
-	Vị trí 1	672.000		Vị trí 1	1.150.000			
-	Vị trí 2	403.000		Vị trí 2	690.000			
-	Vị trí 3	202.000		Vị trí 3	345.000			

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú (Nêu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành)
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
15	Các vị trí đất ở còn lại			Các vị trí đất ở còn lại (tại thôn Đăk Xanh, Đăk Ra, 16/5, Đăk Dung, Đông Sông)				Giữ nguyên giá, điều chỉnh, bổ sung tên tuyến đường sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành
-	Vị trí 1	585.000		Vị trí 1	585.000			
-	Vị trí 2	351.000		Vị trí 2	351.000			
-	Vị trí 3	176.000		Vị trí 3	176.000			